TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 203/2022/DS-PT
Ngày: 13/9/2022
V/v: *"Tranh chấp tài sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông **Nguyễn Tấn Trường**

Các thẩm phán ông **Nguyễn Văn Tào** và ông **Mai Xuân Thành**

- Thư ký phiên toà: bà **Bùi Thị Hồng Phượng** – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: bà **Trần Thị Thắng** - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 85/TBTL-TA ngày 25 tháng 5 năm 2022 về việc *"Tranh chấp tài sản thừa kế, yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*; do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2187/2022/QĐ-PT ngày 23/8/2022.

- ***Nguyên đơn***: bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: số 104 đường T, phường T1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Xuân V - Văn phòng Luật sư H thuộc Đoàn Luật sư Đà Nẵng. Địa chỉ: Đà Nẵng. Có mặt.

- ***Bị đơn:*** ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L. Vắng mặt. Cùng địa chỉ: thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền của các bị đơn:

+ Ông Nguyễn Hữu V; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

+ Ông Trần Đức Q; địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

***- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan**:*

1. Ông Nguyễn Hữu C. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Hữu S. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Hữu T. Có mặt.

4. Ông Nguyễn Hữu N. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị L. Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Hữu P. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Số 104 đường T, phường T1, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

7. Ông Nguyễn Hữu D; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

8. Ông Nguyễn Hữu C; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

9. Bà Nguyễn Thị D; địa chỉ: Germany. *Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D*: Bà Nguyễn Thị C; địa chỉ: Số 104 đường T, T, N, Khánh Hòa. Có mặt.

10. Ông Nguyễn Hữu V; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

11. Ông Nguyễn Hữu K; địa chỉ: Thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.Vắng mặt.

12. Bà Nguyễn Thị Như T; địa chỉ: thị trấn D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

13. Bà Nguyễn Thị Phương M; địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Như T, bà Nguyễn Thị Phương M và ông Nguyễn Hữu K: Ông Nguyễn Hữu V, địa chỉ: thành phố N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

14. Bà Nguyễn Thị Kim H. Vắng mặt.

15. Bà Nguyễn Thị Kim C. Vắng mặt.

16. Ông Nguyễn Hữu H. Vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

17. Bà Nguyễn Thị L (chết ngày 19/12/2020)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L gồm:

17.1. Bà Lê Thị Thu L .Vắng mặt.

17.2. Bà Lê Thị Thu H .Vắng mặt.
17.3. Ông Lê Ngọc B .Vắng mặt.
17.4. Ông Lê Ngọc L. Vắng mặt.
17.5. Bà Lê Thị Thu Đ .Vắng mặt.
17.6. Ông Lê Ngọc S .Vắng mặt.
17.7. Ông Lê Ngọc T. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ; Thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
18. Bà Trần Thị D. Vắng mặt.
19. Bà Nguyễn Thị Xuân T .Vắng mặt.
20. Ông Nguyễn Hữu T. Vắng mặt.
21. Ông Nguyễn Hữu Đ. Vắng mặt.
22. Ông Nguyễn Hữu T. Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: Thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.
23. Bà Nguyễn Phi P (Nguyễn Thị P); địa chỉ: tỉnh Khánh Hòa.
24. Ông Huỳnh G. Vắng mặt.
25. Ông Huỳnh Bảo H. Vắng mặt.
26. Ông Huỳnh Bảo H. Vắng mặt.
27. Bà Huỳnh Thị Thu H. Vắng mặt.
28. Bà Huỳnh Thị Ánh T.Vắng mặt.
29. Bà Huỳnh Thị Ngọc D. Vắng mặt.
30. Bà Huỳnh Thị Kim T. Vắng mặt.
31. Bà Huỳnh Ngọc T ắng mặt.
Cùng địa chỉ: USA.
32. Bà Nguyễn Thị B .Vắng mặt.
33. Bà Nguyễn Thị M .Vắng mặt.
34. Bà Nguyễn Thị T Vắng mặt.
35. Ông Nguyễn Hữu T Vắng mặt.
36. Ông Nguyễn Hữu T Vắng mặt.
37. Ông Nguyễn Hữu D Vắng mặt.
38. Ông Nguyễn Hữu L (D) Vắng mặt.
Cùng địa chỉ: tỉnh Đắc Lắk.
39. Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng

mặt.

40. Văn phòng Đăng ký đất đai Khánh Hòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: của bà Nguyễn Thị C và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hữu V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ông bà nội bà là ông Nguyễn Hữu C (chết năm 1994) và bà Ngô Thị G (chết năm 1997). Vợ chồng ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G có 05 người con gồm: Ông Nguyễn Hữu Đ (chết năm 2010) có vợ là bà D Thị T (chết năm 2014). ông Nguyễn Hữu Đ và bà D Thị T có 10 người con là ông Nguyễn Hữu S, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu C, bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Hữu C. Ông Nguyễn Hữu Đ có vợ trước là bà Nguyễn Thị Đ (chết năm 1956) và có con riêng với bà Nguyễn Thị Đ là ông Nguyễn Hữu T.

Ông Nguyễn Hữu T (chết không nhớ năm, chết trước ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G). Ông Nguyễn Hữu T có vợ là bà Nguyễn Thị P và 03 người con là bà Nguyễn Thị Kim H, ông Nguyễn Hữu H và bà Nguyễn Thị Kim C.

Bà Nguyễn Thị T (chết ở nước ngoài, không nhớ rõ năm, chỉ biết là chết sau ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G). Bà Nguyễn Thị T có chồng là ông Huỳnh G và 07 người con là ông Huỳnh Bảo H, ông Huỳnh Bảo H, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị Ánh T, bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim T và bà Huỳnh Ngọc T.

Bà Nguyễn Thị L (chết năm 2020) có chồng là ông Lê Ngọc S (chết năm 2015) và 07 người con là bà Lê Thị Thu L, bà Lê Thị Thu H, ông Lê Ngọc B, ông Lê Ngọc L, bà Lê Thị Thu Đ, ông Lê Ngọc S và ông Lê Ngọc T.

Ông Nguyễn Hữu Q (chết năm 2013) có vợ là bà Trần Thị D và 04 người con là bà Nguyễn Thị Xuân T, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu Đ và ông Nguyễn Hữu T.

Ngoài ra, ông Nguyễn Hữu C còn có với bà Ngô Thị H (chết từ rất lâu khoảng trước giải phóng 1975) 05 người con riêng là bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị T , bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu T ; có với và bà Lê Thị T (chết từ rất lâu khoảng ngay sau giải phóng 1975) 02 người con riêng là ông Nguyễn Hữu D và ông Nguyễn Hữu L (tên ở nhà là D).

Lúc còn sống, ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G tạo lập được một khối nhà, đất tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Năm 1993, ông Nguyễn

Hữu C và bà Ngô Thị G lập di chúc phân chia di sản cho các con, trong đó, cha bà là ông Nguyễn Hữu Đ được thừa hưởng một phần đất có diện tích 4.569m^2, trên đất có một nhà từ đường diện tích 63m^2 (có sơ đồ vị trí kèm theo bản di chúc) nay là thửa đất số 323, tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa. Riêng 02 phần đất mồ mả, nay là thửa đất số 240 và 241 cùng tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa, không được ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G phân chia mà giao cho ông Nguyễn Hữu Đ trông coi nên là của ông Nguyễn Hữu Đ. Sau khi được nhận di sản, ông Nguyễn Hữu Đ và bà D Thị T đã sinh sống và canh tác trên phần đất này.

Ông Nguyễn Hữu Đ và bà D Thị T chết không để lại di chúc, năm 2017, gia đình bà họp lại để thống nhất phân chia di sản của cha mẹ bà là ông Nguyễn Hữu Đ và bà D Thị T thì phát hiện vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L đã tự ý kê khai đất và được ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375/QSDĐ/DA- DK (không ghi ngày tháng năm cấp giấy) đối với phần đất mà cha mẹ bà để lại là các thửa đất số 232, 204 và 241 tờ bản đồ số 03. Gia đình bà đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị L cung cấp tài liệu chứng minh ông Nguyễn Hữu Đ và bà D Thị T đã cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị L tài sản này nhưng ông Nguyễn Hữu T không chứng minh được. Gia đình bà đã có đơn khiếu nại gửi ủy ban nhân dân xã D về việc cấp giấy chứng nhận cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị L; ủy ban nhân dân xã đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế do cha mẹ bà là ông Nguyễn Hữu Đ và bà D Thị T để lại là nhà, đất tại thửa đất số 232, 240 và 241 tờ bản đồ số 03, tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa theo quy định của pháp luật; bà và các anh, chị, em bà xin được nhận đất và yêu cầu Tòa án hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đều do ủy ban nhân dân huyện D cấp sau: (1) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375/QSDĐ ngày 24/9/1999 cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị L; (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05776 ngày 07/11/2017 cấp cho ông Nguyễn Hữu V; (3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05777 ngày 07/11/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Như T; (4) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05783 ngày 07/11/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Phương M.

Người đại diện theo ủy quyền cửa bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L, đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu V trình bày:

Ông là con của ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L. Ông thống nhất với trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về những người con, cháu của ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G, những người là vợ, chồng và con của các con, cháu ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G, thời điểm chết của những người đã chết.

Nguồn gốc nhà, đất mà hiện nay nguyên đơn tranh chấp tại thửa đất số 232, 240, 241 tờ bản đồ số 03 tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa là do ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G tạo lập. Năm 1993, ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G lập di chúc để lại nhà, đất này cho ông nội ông là ông Nguyễn Hữu Đ. Năm 1999, được sự đồng ý của ông Nguyễn Hữu Đ, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L tiến hành đăng ký kê khai và được ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375.QSDĐ/DA-DK ngày 24/9/1999. Ngày 06/4/2008, ông Nguyễn Hữu Đ và bà D Thị T lập di chúc để lại toàn bộ nhà, đất trên cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L.

Ngày 17/10/2017, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L lập hợp đồng tặng cho ông là Nguyễn Hữu V và các con là Nguyễn Thị Phương M, Nguyễn Thị Như T một phần thửa đất số 232 và các ông, bà đã được ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Hữu V được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH05776 ngày 07/11/2017 đối với thửa đất số 1227, tờ bản đồ số 03, thôn P 5, D, D, diện tích 397,8m^2.

Bà Nguyễn Thị Như T được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05777 ngày 07/11/2017 đối với thửa đất số 1228, tờ bản đồ số 03, thôn P 5, xã D, huyện D, diện tích 405,2m^2.

Bà Nguyễn Thị Phương M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05783 ngày 07/11/2017 đối với thửa đất số 1229, tờ bản đồ số 03, thôn P 5,xã D, huyện D, diện tích 397,8m^2.

Sau khi ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L tặng cho đất cho các con, phần còn lại của thửa đất số 232, tờ bản đồ số 03 đã được điều chỉnh thành thửa 1226, tờ bản đồ số 03 với diện tích còn lại là 4.164,2m^2 và đã được ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05784 ngày 07/11/2017 cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L.

Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L sinh sống tại nhà, đất tranh chấp từ năm 1978 cùng ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G. Ông Nguyễn Hữu Đ thì sống ở nhà đất số 104 đường T, thành phố N cùng bà D Thị T và các con của ông Nguyễn Hữu Đ với bà D Thị T nhưng vẫn đi về nhà, đất đang tranh chấp.

Sau khi ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G chết, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L tiếp tục quản lý toàn bộ nhà đất này và xây dựng, sửa chữa, cải tạo lại toàn bộ nhà cùng các công trình trên đất để có hiện trạng như hiện nay.

Do nhà, đất tranh chấp đã được ông Nguyễn Hữu Đ và bà D Thị T lập di chúc để lại toàn bộ cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L và trong di chúc cũng đã nói rõ là những người con khác đã có phần riêng của cha mẹ cho, không được tranh chấp các tài sản trên nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

- Ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa trình bày:

Ngày 10/8/1999, ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L có đơn đăng ký quyền sử dụng đất đối với các thửa đất số 232, 240 và 241 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại xã D; đất có nguồn gốc do ông bà để lại; kèm theo hồ sơ có Đơn xin xác nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Hữu Đ được chính quyền địa phương xác nhận năm 1995; nội dung xác nhận của ông Nguyễn Hữu Đ là: *"Tôi tên Nguyễn Hữu Đ ở tại 104 T, N ủy quyền cho con tôi là Nguyễn Hữu T và vợ là Nguyễn Thị L để sử dụng và đóng thuế"*.

Từ các căn cứ trên, ủy ban nhân dân xã D đã xác nhận và đồng ý xét cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L. Ủy ban nhân dân xã D hoàn chỉnh thủ tục hồ sơ theo quy định, trình ủy ban nhân dân huyện D xem xét cấp giấy chứng nhận và đã được ủy ban nhân dân huyện D cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 3 thửa đất nói trên tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375 QSDĐ/DA- DK ngày 24/9/1999.

Trong quá trình sử dụng đất từ khi kê khai đến khi được Nhà nước cấp giấy chứng nhận, các thửa đất không có tranh chấp. Như vậy, việc ủy ban nhân dân huyện D cấp Giấy chứng nhận số 01375 QSDĐ/PA-DK là đúng pháp luật. Do đó, ủy ban nhân dân huyện D không đồng ý hủy Giấy chứng nhận số 01375 QSDĐ/DA-DK theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị C, ủy ban nhân dân huyện D sẽ xem xét giải quyết sự việc sau khi nhận được bản án có hiệu lực của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Các ông/bà Nguyễn Hữu S, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu N, Nguyễn Thị L, Nguyễn Hữu P, Nguyễn Hữu D, Nguyễn Hữu C và Nguyễn Hữu C trình bày: Các ông bà thống nhất với toàn bộ lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C.

Các ông/bà: Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị M, Nguyễn Thị T , Nguyễn Hữu T , Nguyễn Hữu T trình bày:

Các ông, bà là con riêng của ông Nguyễn Hữu C và bà Lê Thị H. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, các ông, bà không có ý kiến vì đây là tài sản của ông Nguyễn Hữu Đ và bà D Thị T nên không liên quan đến quyền lợi của các ông, bà. Các ông, bà yêu cầu được vắng mặt tại Tòa án.

Ông Nguyễn Hữu T có văn bản đề ngày 10/01/2022 gửi Tòa án trình bày thêm: Ông Nguyễn Hữu C và bà Lê Thị H có 05 người con như ông đã khai hiện đang sinh sống tại thành phố Buôn Ma Thuột. Bà Lê Thị H đã chết năm 1971, giấy chứng tử của bà đã bị thất lạc do chiến tranh.

Ông Nguyễn Hữu L (D) và ông Nguyễn Hữu D trình bày:

Các ông là con riêng của ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị T. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C, các ông không có ý kiến vì đây là tài sản của ông Nguyễn Hữu Đ và bà D Thị T nên không liên quan đến quyền lợi của các ông. Các ông yêu cầu được vắng mặt tại Tòa án.

Ông Nguyễn Hữu L có văn bản đề ngày 10/01/2022 gửi Tòa án trình bày thêm: ông Nguyễn Hữu C với bà Ngô Thị T có 02 người con như ông đã khai. Bà T chết năm 1995. Đối với tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn ông không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Các ông, bà Trần Thị D, Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Hữu T trình bày:

Các ông, bà là vợ và con của ông Nguyễn Hữu Q. Ông Nguyễn Hữu Q và vợ là bà Trần Thị D có 04 người con gồm Nguyễn Thị Xuân T, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Hữu Đ và Nguyễn Hữu T. Việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L không liên quan tới các ông, bà. Phần đất tranh chấp ông Nguyễn Hữu C đã cho ông Nguyễn Hữu Đ nên gia đình các ông, bà không có quyền lợi và cũng không có tranh chấp gì.

Bà Nguyễn Phi P trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Hữu T (ông T đã chết từ rất lâu). Bà và ông Nguyễn Hữu T có 03 người con chung gồm: Nguyễn Hữu Hoàng, Nguyễn Thị Kim H và Nguyễn Thị Kim C. Việc tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị C với ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 232 tờ bản đồ số 3 tại thôn P, xã D, huyện D thì bà không có ý kiến gì; đối với phần đất có mồ mả (thửa đất số 240 và 241) thì bà không đồng ý chia mà giao lại cho ông Nguyễn Hữu T thờ cúng, chăm sóc mồ mả ông bà. Bà xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà Nguyễn Hữu K, Nguyễn Thị Phương M, Nguyễn Thị Như T là ông Nguyễn Hữu V trình bày: Thống nhất với trình bày của bị đơn, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L là

bà Lê Thị Thu L, ông Lê Ngọc B, ông Lê Ngọc L, bà Lê Thị Thu Đ, ông Lê Ngọc S, ông Lê Ngọc T và bà Lê Thị Thu H trình bày:

Các ông, bà là con của bà Nguyễn Thị L (chết ngày 19/12/2020). Bà Nguyễn Thị L có chồng là ông Lê Ngọc S (chết năm 2015) và có 07 người con là bà Lê Thị Thu L, bà Lê Thị Thu H, ông Lê Ngọc B, ông Lê Ngọc L, bà Lê Thị Thu Đ, ông Lê Ngọc S và ông Lê Ngọc T. Bà Nguyễn Thị L không có con riêng nào khác, về những người con, cháu của ông Nguyễn Hữu C và bà Ngô Thị G, các ông, bà khai thống nhất với nguyên đơn và bị đơn.

Các ông, bà không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị C về chia di sản của ông Nguyễn Hữu Đ và bà D Thị T đối với nhà, đất tại thửa đất số 232, tờ bản đồ số 03, tại thôn P, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa vì phần đất này ông Nguyễn Hữu C đã lập di chúc chia cho các con. Đối với phần đất có mồ mả, ông Nguyễn Hữu C đã lập di chúc giao cho con trai trưởng là Nguyễn Hữu Đ trông coi quản lý; sau này, ông Nguyễn Hữu Đ giao lại cho ông Nguyễn Hữu T trông coi, quản lý là phù hợp với phong tục, tập quán; hiện nay, trên đất có rất nhiều mồ mả ông bà nên các ông, bà không đồng ý chia phần đất này mà giao cho ông Nguyễn Hữu T tiếp tục trông coi, quản lý.

Các ông, bà Huỳnh G, Huỳnh Bảo H, Huỳnh Bảo H, Huỳnh Thị Thu H, Huỳnh Thị Ánh T, Huỳnh Thị Ngóc D, Huỳnh Thị Kìm T, Huỳnh Ngọc T, Nguyễn Hữu T, Nguyễn Thị Xuân T đã được Tòa án tiến hành thủ tục tống đạt văn bản tố tụng theo quy định nhưng không có ý kiến trình bày.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Căn cứ Điều 634, Điều 636, Điều 652, Điều 675, Điều 676 và Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2010/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về chia thừa kế đối vói: (i) thửa đất số 232 tờ bản đồ số 3 (nay đã được tách thành các thửa đất số 1226, 1227, 1228 và 1229, tờ bản đồ số 3) tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa cùng nhà trên đất; (ii) phần đất thổ mộ ký hiệu 241A thuộc thửa đất số 241 và toàn bộ thửa đất số 240 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại thôn Phú Ân Nam 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau (l) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375/QSDĐ/DA-DK ngày 24/9/1999 cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu T, bà

Nguyễn Thị L; (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05776 ngày 07/11/2017 cấp cho ông Nguyễn Hữu V; (3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ờ và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05777 ngày 07/11/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Như T; (4) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05783 ngày 07/11/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Phương M. Tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đều do ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp.

Giao cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L tiếp tục quản lý, trông coi phần đất thổ mộ ký hiệu 241A thuộc thửa đất số 241 và toàn bộ thửa đất số 240 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về chia thừa kế phần đất có ký hiệu 241B, diện tích 810,5m^2 thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa như sau:

Mở lối đi có diện tích 130,4m^2, trong đó, có 20,6m^2 nằm trên thửa đất số 1229, tờ bản đồ số 03 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH05783 ngày 07/11/2017 do ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà Nguyễn Thị Phương M và 109,8m^2 nằm trên phần đất có ký hiện 241B thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 03.

Ông Nguyễn Hữu S, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Hữu C được nhận chung 700,7m^2 đất là phần còn lại của phần đất có ký hiện 241B thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 03 sau khi đã mở lối đi, trong đó, phần quyền tài sản của mỗi người là ngang nhau.

Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L phải giao cho ông Nguyễn Hữu S, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Hữu C 700,7m^2 đất là phần còn lại của phần đất có ký hiệu 241B thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 03 sau khi đã mở lối đi.

Ông Nguyễn Hữu S, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Hữu C phải liên đới thanh toán cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong đó, phần trách nhiệm của mỗi người là ngang nhau) như sau:

Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phương M giá trị 20,6m^2 đất là

13.126.200đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị T , bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu T , ông Nguyễn Hữu D và ông Nguyễn Hữu L, mỗi người 15.348.200đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Huỳnh G, ông Huỳnh Bảo H, ông Huỳnh Bảo H, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị Ánh T, bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim T và bà Huỳnh Ngọc T, mỗi người 6.522.900đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị Thu L, bà Lê Thị Thu H, ông Lê Ngọc B, ông Lê Ngọc L, bà Lê Thị Thu Đ, ông Lê Ngọc S và ông Lê Ngọc T, mỗi người 7.454.800đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Hữu H, mỗi người 17.394.500đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Trần Thị D, bà Nguyễn Thị Xuân T, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu Đ và ông Nguyễn Hữu T, mỗi người 10.436.700đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị D 4.783.500đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Hữu T 4.348.600đ.

Thanh toán tiền công sức trông coi, bảo quản di sản cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L là 65.004.000đ.

Điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375/QSDĐ cấp ngày 24/9/1999 cho hộ ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 240 và phần đất có ký hiệu 241A thuộc thửa đất số 241 tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa với nội dung: Không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Căn cứ quyết định của Bản án, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với các thửa đất số 1299, số 241 và số 240 tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Các đương sự được chia thừa kế bằng hiện vật có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định của L Đất đai.

Vị trí, tứ cận các phần đất, thửa đất, lối đi và vật kiến trúc trên đất được đề cập đến trong Bản án được thể hiện theo Trích đo địa chính thửa đất và Bản

vẽ hiện trạng nhà kèm theo Bản án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02/3/2022, nguyên đơn bà Nguyễn Thị C kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 09/3/2022, ông Nguyễn Hữu V đại diện cho bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận chia thừa kế tài sản các thửa đất 240, 241 là nơi chôn cất mồ mả ông bà.

Ngày 04/8/2022, ông Trần Đức Q đại diện cho bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm như kháng cáo bản án sơ thẩm; đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo và đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C; đề nghị hủy án sơ thẩm với các lý do: tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nguyên đơn chỉ yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ, nhưng tòa án chia di sản của ông bà; hồ sơ không có giấy chứng tử của cụ Nguyễn Hữu C và Ngô Thị G; không có bản chính Di chúc cụ Nguyễn Hữu C và Ngô Thị G, mà là bản photo; tài sản của ông T bà L trên thửa 241 chưa được giải quyết mà chia thừa kế; điều chỉnh Giấy CNQSDĐ số G 926387, số vào sổ 01375.QSDĐ/DA.DK vào ngày 24/9/1999 của ông T bà L theo hướng hạn chế quyền của người sử dụng đất.

Tại phiên tòa Phúc thẩm:

Các đương sự vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; nguyên đơn bà Nguyễn Thị C đề nghị chấp nhận kháng cáo và đơn khởi kiện của bà. L sư Trần Xuân Vinh bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nêu quan điểm đề nghị HĐXX hủy toàn bộ án sơ thẩm, bởi các lý do: ông Đ được cụ C và cụ G chia cho 4.569m2, nhưng trong Giấy CNQSDĐ số G 926387, số vào sổ 01375.QSDĐ/DA.DK vào ngày 24/9/1999 cấp cho ông T bà L 7.435m2, số dư trên chưa được làm rõ; Giấy CNQSDĐ này lại có trước khi lập Di chúc ngày 06/4/2008 là không phù hợp; Di chúc cũng không có chính quyền chứng thực; đất mồ mả mà chia thừa kế là không đúng pháp luật; việc tống đạt đối với người liên quan thuộc diện thừa kế đang ở nước ngoài chưa đảm bảo trình tự thủ tục; xét xử không có mặt kiểm sát viên.

Ông Trần Đức Q đại diện cho bị đơn ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L vẫn giữ nguyên quan điểm như kháng cáo bản án sơ thẩm; đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo và đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị C, vì thửa 240, 241 là đất mồ mả mà chia thừa kế là không đúng; rút lại đề nghị hủy án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định về tố tụng. Án sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án dân sự đúng trình tự, thủ tục. Về nội dung, án sơ thẩm xét xử đúng pháp luật; tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết mới, do vậy đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự và của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự được triệu tập hợp lệ, tuy nhiên có nhiều người liên quan vắng mặt không rõ lý do; theo đề nghị của các đương sự có mặt và của Kiểm sát viên, HĐXX thấy đây là phiên tòa được triệu tập lần thứ hai, các đương sự đều nhận được Giấy triệu tập hợp lệ, nên thống nhất quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về nguồn đất mà nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế; HĐXX thấy rằng: Quá trình tố tụng các đương sự đều thừa nhận, trong thời gian chung sống vợ chồng cụ Nguyễn Hữu C và Ngô Thị G có tạo lập căn nhà 63m2 (7mx9m) gắn liền trên thửa vườn 9.393 m2. Vào ngày 06/6/1993, các cụ có lập Di chúc (BL 05-kèm theo sơ đồ 05 phần AA'BCD -BL 04) để lại tài sản trên cho 04 người con gồm: con trai trưởng, ông Nguyễn Hữu Đ (phần A, A') căn nhà thờ 63m2 (7mx9m) gắn liền với 4.569m2 đất vườn; con trai thứ ông Nguyễn Hữu Tỉnh (phần B) 1.778m2 đất vườn phía nam; con trai thứ ông Nguyễn Hữu Quới (phần C) 1.800m2 đất vườn phía đông; con gái thứ bà Nguyễn Thị L (phần C) 1.246m2 đất vườn phía bắc. Ngoài ra trong sơ đồ còn thể hiện hai bên phần đất A' của ông Đ có đất mồ mả (nay là thửa 240 và 241) các cụ Nguyễn Hữu C và Ngô Thị G chưa lập Di chúc giao cho cụ thể một ai.

[2.2] Do ông Đ không ở tại đây mà vợ chồng con trai trưởng ông là ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L quản lý sử dụng nên ông Đ đã lập giấy ủy quyền cho ông T bà L được quản lý sử dụng và nộp thuế theo quy định. Trong quá trình sử dụng đất ông T bà L đã kê khai đăng ký các thửa đất số 232, 240 và 241 tờ bản đồ số 03 và được UBND huyện D cấp Giấy CNQSDĐ số G 926387, số vào sổ 01375.QSDĐ/DA.DK vào ngày 24/9/1999 tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa; trong đó thửa 232 có diện tích 5.365m2; thửa 240 có diện tích 545m2 và thửa 241 có diện tích 1.525m2 (qua xem xét thẩm định tại chỗ thửa 240 có diện tích 694,9m2 và thửa 241 có diện tích 1.676,4m2). Ngày

06/4/2008 (BL 473A) vợ chồng ông Nguyễn Hữu Đ, bà D Thị T lập di chúc giao toàn bộ 03 thửa đất 232, 240 và 241 có tổng diện tích 7.435m2 đất nêu trên cho vợ chồng ông T bà L.

[2.3] Tại đơn khởi kiện ngày 18/3/2019 bà Nguyễn Thị C cho rằng cả 03 thửa đất 232, 240 và 241 là tài sản của cha mẹ bà là ông Nguyễn Hữu Đ, bà D Thị T để lại nên bà yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định thửa 232 đã được cụ C, cụ G lập Di chúc để lại cho ông Đ và ông Đ bà T lập Di chúc để lại cho ông T bà L; theo Kết luận giám định số 6128/C09B ngày 05/01/2021 của Phân viện khoa học hình sự thành phố Hồ chí Minh thì chữ ký trong di chúc đúng là chữ ký của ông Đ bà T, nên thửa 232 không còn là di sản thừa kế để chia là đúng pháp luật. Riêng hai thửa 240 và 241 chưa được cụ C và cụ G lập Di chúc cho ai, ông T đã đăng ký kê khai và được cấp Giấy CNQSDĐ với mục đích sử dụng là cây lâu năm, nên cấp sơ thẩm cùng cơ quan địa chính địa phương xem xét những phần không có mồ mả chia cho tất cả những người trong diện thừa kế của cụ C và cụ G là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn đề nghị chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện chia thừa kế tài sản là tất cả các thửa đất số 232, 240, 241; HĐXX thấy rằng:

[3.1] Đối với thửa 232; như đã nhận định tại mục [2.2] ông T bà L được UBND huyện D cấp Giấy CNQSDĐ số G 926387, số vào sổ 01375.QSDĐ/DA.DK ngày 24/9/1999; trong đó thửa 232 có diện tích 5.365m2. Sau đó ông bà đã tách thửa 232 thành 04 thửa là 1226, 1227, 1228, 1229 và tặng cho 03 người con 03 thửa và đã được UBND huyện D cấp 04 Giấy CNQSDĐ cho 04 cá nhân, gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05784 ngày 07/11/2017 cấp cho ông T bà L 4.164,2m2, thửa số 1226; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05776 ngày 07/11/2017 cấp cho anh Nguyễn Hữu V 397,8m2, thửa số 1227; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05777 ngày 07/11/2017 cấp cho chị Nguyễn Thị Như T 405,2m2, thửa số 1228 và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 05783 ngày 07/11/2017 cấp cho chị Nguyễn Thị Phương M 397,8m2, thửa số 1229. Đây là tài sản hợp pháp của các cá nhân được hình thành từ Di chúc và Hợp đồng tặng cho theo quy định của pháp luật; nên tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn là có căn cứ.

[3.2] Đối với thửa 240 và 241; thấy rằng: tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 06/3/2020 thể hiện trên thửa 241 có 25 ngôi mộ nằm tập trung trên một phần thửa đất; trên thửa 240 có 13 ngôi mộ nằm rải rác trên toàn bộ thửa đất. Dựa trên cơ sở đó; tòa án cấp sơ thẩm đã không chia thừa kế thửa 240 là có

căn cứ; vì trên 694,9m2 đất thửa 240 tồn tại 13 ngôi mộ của ông bà nằm rải rác trên toàn bộ thửa đất. Đối với thửa 241, cấp sơ thẩm đã chia thành 2 thửa nhỏ: thửa 241A có diện tích 865,9m2 có 25 ngôi mộ, nên không chia thừa kế; thửa 241B có diện tích 810,5m2, sau khi mở lối đi 109,8m2 vào thửa 241A, nên thửa 241B còn lại 700,7m2 được chia thừa kế cho bà C và những người trong diện thừa kế. Do vậy bà C yêu cầu chia toàn bộ đất cả hai thửa 240 và 241 là không phù hợp với pháp luật.

[4] Đối với quan điểm của L sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị HĐXX hủy toàn bộ án sơ thẩm do vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng; HĐXX thấy rằng: ông Đ được cụ C và cụ G chia cho 4.569m2, nhưng trong Giấy CNQSDĐ số G 926387, số vào sổ 01375. QSDĐ/DA.DK vào ngày 24/9/1999 cấp cho ông T bà L 7.435m2, số dư trên đã được làm rõ với lý do là ông T được cấp cả thửa 240 và 241; Giấy CNQSDĐ này lại có trước khi lập Di chúc ngày 06/4/2008 là phù hợp với pháp luật; bởi lẽ trước đây ông Đ đã ủy quyền cho ông T kê khai đăng ký nên được cấp Giấy CNQSDĐ, sau đó ông Đ mới lập Di chúc theo ý chí của ông; Di chúc tuy không có chính quyền chứng thực, nhưng ông Đ tự viết và ký là phù hợp với quy định của pháp luật về loại Di chúc không có công chứng, chứng thực; việc tống đạt đối với người liên quan thuộc diện thừa kế đang ở nước ngoài đã được tòa án sơ thẩm thực hiện đảm bảo đúng trình tự thủ tục; việc xét xử vẫn có mặt kiểm sát viên, chỉ khi tuyên án kiểm sát viên không tham gia là không vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Do vậy HĐXX thấy không có căn cứ hủy án sơ thẩm.

[5] Xét kháng cáo của đại diện cho bị đơn đề nghị không chấp nhận chia thừa kế tài sản các thửa đất 240, 241 là nơi chôn cất mồ mả ông bà; HĐXX thấy rằng: Như đã phân tích tại mục [3.2], tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét thực tế trên phạm vi đất của ông bà để lại, trong đó có phần đất đang tồn tại mồ mả, có phần đất trống đang trồng cây lâu năm không có mồ mả để chia thừa kế cho bà C và những người trong diện thừa kế, là đảm bảo đến quyền lợi của các đương sự thuộc diện thừa kế nhưng chưa được hưởng lợi từ di sản của ông bà, cha mẹ để lại là phù hợp với pháp luật và đạo lý.

[6] Từ những nhận định trên đây; HĐXX thấy rằng tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá chứng cứ và tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng pháp luật; nguyên đơn và bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới làm thay đổi bản chất vụ án, nên không có căn cứ chấp nhận; giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Do kháng cáo của các đương không được chấp nhận nên mỗi bên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/ Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C và bị đơn ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyện Thị L; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 25/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

Căn cứ Điều 634, Điều 636, Điều 652, Điều 675, Điều 676 và Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2010/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về chia thừa kế đối với: (i) thửa đất số 232 tờ bản đồ số 3 (nay đã được tách thành các thửa đất số 1226, 1227, 1228 và 1229, tờ bản đồ số 3) tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa cùng nhà trên đất; (ii) phần đất thổ mộ ký hiệu 241A thuộc thửa đất số 241 và toàn bộ thửa đất số 240 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại thôn Phú Ân Nam 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về hủy các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau: (l) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375/QSDĐ/DA-DK ngày 24/9/1999 cấp cho hộ ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị L; (2) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05776 ngày 07/11/2017 cấp cho ông Nguyễn Hữu V; (3) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ờ và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05777 ngày 07/11/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Như T; (4) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 05783 ngày 07/11/2017 cấp cho bà Nguyễn Thị Phương M. Tất cả các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này đều do ủy ban nhân dân huyện D, tỉnh Khánh Hòa cấp.

Giao cho ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L tiếp tục quản lý, trông coi phần đất thổ mộ ký hiệu 241A thuộc thửa đất số 241 và toàn bộ thửa đất số 240 tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện cùa nguyên đơn bà Nguyễn Thị C về chia thừa kế phần đất có ký hiệu 241B, diện tích 810,5m^2 thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 3, tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa như sau:

Mở lối đi có diện tích 130,4m^2, trong đó, có 20,6m^2 nằm trên thửa đất số 1229, tờ bản đồ số 03 đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH05783 ngày 07/11/2017 do ủy ban nhân dân huyện D cấp cho bà Nguyễn Thị Phương M và 109,8m^2 nằm trên phần đất có ký hiện 241B thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 03.

Ông Nguyễn Hữu S, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Hữu C được nhận chung 700,7m^2 đất là phần còn lại của phần đất có ký hiện 241B thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 03 sau khi đã mở lối đi, trong đó, phần quyền tài sản của mỗi người là ngang nhau.

Ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L phải giao cho ông Nguyễn Hữu S, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Hữu C 700,7m^2 đất là phần còn lại của phần đất có ký hiệu 241B thuộc thửa đất số 241, tờ bản đồ số 03 sau khi đã mở lối đi.

Ông Nguyễn Hữu S, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu N, bà Nguyễn Thị L, ông Nguyễn Hữu P, bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Hữu D, ông Nguyễn Hữu C và ông Nguyễn Hữu C phải liên đới thanh toán cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (trong đó, phần trách nhiệm của mỗi người là ngang nhau) như sau:

Thanh toán cho bà Nguyễn Thị Phương M giá trị 20,6m^2 đất là 13.126.200đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị T , bà Nguyễn Thị M, ông Nguyễn Hữu T và ông Nguyễn Hữu T , ông Nguyễn Hữu D và ông Nguyễn Hữu L, mỗi người 15.348.200đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Huỳnh G, ông Huỳnh Bảo H, ông Huỳnh Bảo H, bà Huỳnh Thị Thu H, bà Huỳnh Thị Ánh T, bà Huỳnh Thị Ngọc D, bà Huỳnh Thị Kim T và bà Huỳnh Ngọc T, mỗi người 6.522.900đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Lê Thị Thu L, bà Lê Thị Thu H, ông Lê Ngọc B, ông Lê Ngọc L, bà Lê Thị Thu Đ, ông Lê Ngọc S và ông Lê Ngọc T, mỗi người 7.454.800đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị Kim H, bà Nguyễn Thị Kim C và ông Nguyễn Hữu H, mỗi người 17.394.500đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Trần Thị D, bà Nguyễn Thị Xuân T, ông Nguyễn Hữu T, ông Nguyễn Hữu Đ và ông Nguyễn Hữu T, mỗi người 10.436.700đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho bà Nguyễn Thị D 4.783.500đ.

Thanh toán kỷ phần thừa kế cho ông Nguyễn Hữu T 4.348.600đ.

Thanh toán tiền công sức trông coi, bảo quản di sản cho vợ chồng ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L là 65.004.000đ.

Điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01375/QSDĐ cấp ngày 24/9/1999 cho hộ ông Nguyễn Hữu T, bà Nguyễn Thị L đối với thửa đất số 240 và phần đất có ký hiệu 241A thuộc thửa đất số 241 tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa với nội dung: Không được chuyển đổi, chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, thế chấp, bảo lãnh, góp vốn bằng quyền sử dụng đất.

Căn cứ quyết định của Bản án, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp đối với các thửa đất số 1299, số 241 và số 240 tờ bản đồ số 03, tọa lạc tại thôn P 5, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Các đương sự được chia thừa kế bằng hiện vật có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện việc đăng ký quyền sử dụng đất theo qui định của Luật Đất đai.

Vị trí, tứ cận các phần đất, thửa đất, lối đi và vật kiến trúc trên đất được đề cập đến trong Bản án được thể hiện theo Trích đo địa chính thửa đất và Bản vẽ hiện trạng nhà kèm theo Bản án.

2/ Về án phí dân sự phúc thẩm: bà Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ; ông Nguyễn Hữu T và bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ, các đương sự đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mỗi bên 300.000đ theo biên lai thu tiền số 9859 ngày 17/3/2022 và 9857 ngày 16/3/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa; các bên đương sự đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (13/9/2022)

Nơi nhận:
- *TAND tối cao;*
- *VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;*
- *TAND tỉnh Khánh Hòa;*
- *VKSND tỉnh Khánh Hòa;*
- *Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HSVA, PHCTP, LT.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Trường